TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2018/HNGĐ-ST
Ngày 20/7/2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Ngọc Diệp.

2. Bà Nguyễn Hồng Gấm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quyết – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Tuân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20/7/2018 tại Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 380/2018/TLST-HNGĐ ngày 17/4/2018 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/6/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Võ Thị Tố N, sinh năm 1984;

Thường trú: Ấp B, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long;

Tạm trú: Số 107/7 khu phố T, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương. (Có yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 19/6/2018).

Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân Q, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Tổ 34, khu phố C, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương. (Vắng mặt không lý do).

Người làm chứng: Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1955;

Địa chỉ: Khu phố C, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương. (Tòa không triệu tập)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 03/4/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Võ Thị Tố N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Tố N và anh Nguyễn Xuân Q tự nguyện tìm hiểu và sống chung với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 07/2007, quyển số 01 ngày 09/8/2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng cùng sinh sống tại 58/1 T II, phường H, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu, vợ chồng sống với nhau hạnh phúc nhưng từ năm 2008, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn và ngày càng trở nên trầm trọng, nguyên nhân là do anh Q phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy, bị Tòa án nhân dân quận 9 xử phạt 10 năm tù, đến tháng 4/2017, anh Q chấp hành xong hình phạt của bản án và trở về, cũng từ đó vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên đã sống ly thân cho đến nay.

Chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Chị Võ Thị Tố N khai vợ chồng có một con chung: Nguyễn Võ Minh T, sinh ngày 02/10/2007. Chị Võ Thị Tố N yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Võ Minh T, không yêu cầu anh Nguyễn Xuân Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Xuân Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Xuân Q thống nhất với trình bày của chị Võ Thị Tố N về thời gian tìm hiểu, đăng ký kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn. Vợ chồng chị N và anh Q đã sống ly thân từ lúc anh Q chấp hành án xong bản án đến nay do hai bên không còn tình cảm với nhau. Trước yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị Tố N thì anh Q đồng ý.

Về con chung: Anh Nguyễn Xuân Q khai vợ chồng có một con chung: Nguyễn Võ Minh T, sinh ngày 02/10/2007. Anh Q đồng ý giao cháu Nguyễn Võ Minh T cho chị Võ Thị Tố N trực tiếp nuôi dưỡng, anh Q không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ngày 15/6/2018, Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân, quá trình chung sống giữa chị Võ Thị Tố N và anh Nguyễn Xuân Q tại địa phương và được Hội phụ nữ phường Tân Đông Hiệp cung cấp: trong thời gian vợ chồng chung sống tại địa phương, Hội phụ nữ không nắm được tình trạng hôn nhân và chưa tiếp nhận thông tin gì về mâu thuẫn vợ chồng giữa hai anh chị.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/5/2018, người làm chứng bà Đỗ Thị H trình bày: Bà H là mẹ ruột của anh Nguyễn Xuân Q, trong thời gian anh Q đang chấp hành án, chị N vẫn thăm nom và ở lại vài ngày theo quy định của trại giam. Từ khi anh Q chấp hành án xong, giữa hai vợ chồng không còn quan hệ tình cảm. Khoảng 04 đến 05 năm nay, chị N không còn quan hệ tình cảm vợ chồng với Q và đã chuyển đến nơi khác sinh sống, không ở cùng bà H nữa, hiện

nay theo bà H được biết chị N đang có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Việc hai vợ chồng chị Như anh Q ly hôn, bà H yêu cầu tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã D tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn không chấp hành theo quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định. Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về điều kiện thụ lý vụ án: Căn cứ vào đơn khởi kiện của chị Võ Thị Tố N thì đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn có địa chỉ tại tổ 34, khu phố C, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương nên Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An thụ lý giải quyết theo quy định tại Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Ngày 19/7/2018, nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 03/7/2018 và ngày 20/7/2018 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Tố N và anh Nguyễn Xuân Q tự nguyện sống chung với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 07/2007, quyển số 01 ngày 19/01/2007 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Chị N và anh Q đều thống nhất từ năm 2008, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn và ngày càng trở nên trầm trọng, nguyên nhân là do anh Q phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy bị Tòa án nhân dân quận 9, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 10 năm tù, đến tháng 4/2017, anh Q chấp hành án xong và trở về, cũng từ đó vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên đã sống ly thân cho đến nay. Lời khai của người làm chứng bà Đỗ Thị H là mẹ ruột của anh Q cũng thống nhất với ý kiến trình bày của chị N và anh Q về mâu thuẫn vợ chồng.

Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc, để đạt được mục đích đó, vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt.

Việc chị N đã chuyển đến một nơi khác sinh sống và không còn quan hệ vợ chồng với anh Q đã gần 5 năm được bà Đỗ Thị H là mẹ ruột anh Q xác nhận.

Về phía chị N và anh Q đều thống nhất xác định vợ chồng chính thức sống ly thân từ tháng 4 năm 2017 đến nay, không còn quan tâm chăm sóc đến nhau, thể hiện mâu thuẫn hôn nhân đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị N yêu cầu ly hôn và anh Q đồng ý. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu được ly hôn của chị N.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Võ Minh T, sinh ngày 02/10/2007. Chị Võ Thị Tố N và anh Nguyễn Xuân Q thống nhất giao con chung cháu Nguyễn Võ Minh T cho chị Võ Thị Tố N nuôi dưỡng. Tại bản tự khai ngày 07/5/2018, cháu Nguyễn Võ Minh T có nguyện vọng được sống với mẹ, phù hợp với các Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, xét đây là ý chí tự nguyện của chị N nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị N không yêu cầu xem xét giải quyết. Tại bản tự khai ngày 17/5/2018, anh Q có ý kiến yêu cầu chia tài sản chung. Ngày 17/5/2018, Tòa án nhân dân thị xã D đã thông báo và ấn định cho anh Q thời hạn để nộp đơn yêu cầu chia tài sản chung. Anh Q đã nhận thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ ngày 17/5/2018 của Tòa án nhân dân thị xã D nhưng không nộp đơn yêu cầu chia tài sản chung và không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án kể từ sau ngày 17/5/2018 nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết chia tài sản chung theo ý kiến của anh Q.

[6] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Võ Thị Tố N phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Tố N được ly hôn với anh Nguyễn Xuân Q. (Giấy chứng nhận kết hôn số 07/2007, quyển số 01 ngày 19/01/2007 do UBND phường H, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh cấp).

2. Về con chung: Buộc anh Nguyễn Xuân Q giao con chung cháu Nguyễn Võ Minh T, sinh ngày 02/10/2007 cho chị Võ Thị Tố N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Xuân Q không cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, chị Võ Thị Tố N và anh Nguyễn Xuân Q đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Trường hợp anh Nguyễn Xuân Q lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc chị Võ Thị Tố N nuôi con thì chị Võ Thị Tố N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Võ Thị Tố N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0019250, ngày 16/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã D, tỉnh Bình Dương.

5. Án xử công khai, tuyên án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

6. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã D;
- Chi cục THADS thị xã D;
- UBND phường H, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Mỹ Hạnh